

THÔNG BÁO

Kết quả phúc khảo bài thi kết thúc học phần học kỳ Thu năm học 2025 - 2026

Thực hiện Thông báo số 71/TB-ĐHSP ngày 15 tháng 01 năm 2026 về việc phúc khảo bài thi kết thúc học phần Học kỳ Thu năm học 2025 - 2026 đối với các lớp bậc đại học hình thức đào tạo chính quy của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, Phòng Khảo thí - Bảo đảm chất lượng đã tiến hành tiếp nhận và xử lý các yêu cầu phúc khảo bài thi kết thúc học phần học kỳ Thu năm học 2025 - 2026 của sinh viên (Kết quả phúc khảo theo danh sách đính kèm).

Nhà trường thông báo kết quả phúc khảo bài thi nêu trên cho sinh viên được biết. Sinh viên có kiến nghị gì về kết quả phúc khảo vui lòng liên hệ Phòng Khảo thí - Bảo đảm chất lượng trước ngày 13/02/2026.

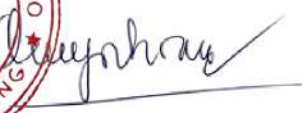
Đề nghị Lãnh đạo các khoa, cố vấn học tập các lớp thông báo cho sinh viên được biết để thực hiện.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Phó Hiệu trưởng Phan Đức Tuấn (để b/c);
- Các Khoa (để thực hiện);
- Lưu: VT, KT-BĐCL.

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG KHẢO THÍ - BĐCL
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG


TS. Phan Thị Hoa

KẾT QUẢ PHÚC KHẢO BÀI THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học kỳ Thu, Năm học 2025 - 2026

(Kèm Thông báo số:216/TB-ĐHSP ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Trường Đại học Sư phạm-ĐHĐN)

STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp SH	Học phần phúc khảo	Nhóm thi	Điểm thi PK	Điểm chấm PK	Điểm thay đổi
1	3230123019	Trần Kim Chi	19/3/2004	23SMN3	Các phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến	4	6.0	6.0	0
2	3230123151	Brôl Thị Thảo	26/4/2002	23SMN3	Các phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến	4	6.5	6.5	0
3	3140123005	Đỗ Thị Hồng	4/11/2005	23SHH	Cấu trúc và phổ	1	7.0	7.0	0
4	3140123017	Lê Ngọc Tâm	2/1/2005	23SHH	Cấu trúc và phổ	1	8.0	8.0	0
5	3130123001	Lê Quốc Anh	29/10/2005	23SVL	Cơ học lí thuyết	1	7.0	7.0	0
6	3130123008	Phạm Diệu Hương	20/8/2005	23SVL	Cơ học lí thuyết	1	7.0	7.0	0
7	3130123009	Trần Thị Xuân Hương	22/5/2005	23SVL	Cơ học lí thuyết	1	6.8	6.8	0
8	3130123015	Dương Hồng Mai	10/11/2005	23SVL	Cơ học lí thuyết	1	6.0	6.0	0
9	3130123016	Phan Công Nhân	25/4/2004	23SVL	Cơ học lí thuyết	1	4.0	4.0	0
10	3130123024	Võ Ngọc Mai Thy	4/4/2005	23SVL	Cơ học lí thuyết	1	7.0	7.0	0
11	3130123030	Trần Ngọc Vương	11/8/2005	23SVL	Cơ học lí thuyết	1	3.0	3.0	0
12	3130123016	Phan Công Nhân	25/4/2004	23SVL	Cơ học lượng tử	1	4.0	4.5	0.5
13	3130123022	Phan Thị Hoài Thương	25/3/2005	23SVL	Cơ học lượng tử	1	5.0	5.0	0
14	3130123028	Lê Thị Kiều Trang	21/6/2005	23SVL	Cơ học lượng tử	1	5.5	7.5	2
15	3130123030	Trần Ngọc Vương	11/8/2005	23SVL	Cơ học lượng tử	1	6.0	6.0	0
16	3220124239	Huỳnh Thị Sương	14/8/2005	24STH4	Cơ sở Khoa học Tự nhiên ở tiểu học	2	6.5	6.5	0
17	3220124051	Trần Thị Dương	5/5/2006	24STH2	Cơ sở Khoa học Tự nhiên ở tiểu học	4	6.0	6.0	0
18	3220124195	Nguyễn Trần Đan Nhi	25/4/2006	24STH6	Cơ sở Khoa học Tự nhiên ở tiểu học	5	6.5	6.5	0
19	3220224075	Cam Thị Thúy Vân	31/10/2006	24STC1	Cơ sở Khoa học tự nhiên và xã hội 2 ở tiểu học	2	4.5	4.5	0
20	3220125081	Phan Thị Thanh Hiền	18/7/2007	25STH5	Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	5	6.5	6.5	0
21	3220125117	Dương Quốc Lập	1/1/2007	25STH7	Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	7	7.0	7.0	0
22	3200322019	Nguyễn Ngọc Huy	29/10/2000	22CTXH	Công tác xã hội trong trường học	1	5.0	6.0	1
23	3110122095	Huỳnh Hữu Tuấn	19/8/2004	22ST2	Đa thức và nhân tử hóa	1	6.0	6.0	0

STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp SH	Học phần phúc khảo	Nhóm thi	Điểm thi PK	Điểm chấm PK	Điểm thay đổi
24	3130324022	Phạm Hòa My	8/4/2006	24CVK	Dao động, Sóng và Quang học	1	3.5	3.5	0
25	3190424047	Nguyễn Thị Yến Nhi	30/10/2006	24CDDL	Địa lí kinh tế - xã hội thế giới	1	5.5	6.0	0.5
26	3190123061	Nguyễn Thị Như Quỳnh	2/7/2005	23SDL	Địa lí kinh tế - xã hội thế giới 2	1	6.0	6.5	0.5
27	3190123006	Nguyễn Thị Yên Bình	30/8/2005	23SDL	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam 1	1	7.2	7.2	0
28	3200225013	Nguyễn Khánh Đan	4/9/2007	25CTL2	Giải phẫu và sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao	2	7.0	7.0	0
29	3160124002	Đoàn Tuấn Anh	29/11/2006	24SGC	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	3	8.7	8.7	0
30	3220224075	Cam Thị Thúy Vân	31/10/2006	24STC1	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	4	7.2	7.2	0
31	3200223068	Nguyễn Thị Thảo Ngọc	18/7/2005	23CTL1	Giáo dục hoà nhập	1	7.0	7.0	0
32	3220122032	Trần Hoàng Khánh Chi	27/8/2004	22STH2	Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học	1	7.3	7.3	0
33	3220122089	Nguyễn Đình Duy Hòa	20/8/2004	22STH6	Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học	1	7.8	7.8	0
34	3220122250	Nguyễn Thị Phương Thảo	9/4/2004	22STH1	Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học	6	6.5	6.5	0
35	3110124008	Lê Văn Chương	23/7/2006	24ST2	Hàm biến phức	2	4.5	4.5	0
36	3110124026	Nguyễn Hưng	10/3/2006	24ST2	Hàm biến phức	2	5.0	5.5	0.5
37	3110124055	Phan Nguyễn Thị Ái Phương	5/1/2006	24ST1	Hàm biến phức	2	9.0	9.0	0
38	3110124058	Võ Anh Quân	12/1/2006	24ST2	Hàm biến phức	2	8.0	8.5	0.5
39	3110124089	Huỳnh Việt Thắng	7/6/2006	24ST2	Hàm biến phức	2	8.0	8.5	0.5
40	3170123092	Lê Thị Mỹ Phương	11/10/2005	23SNV2	Hệ thống thể loại và tác gia tiêu biểu văn học Việt Nam hiện đại 1945 đến nay	2	5.0	5.0	0
41	3110123025	Nguyễn Hữu Hải	1/10/2005	23ST2	Hình học Affine & Euclide	1	6.5	6.5	0
42	3110123029	Tổng Phương Hiền	22/1/2005	23ST2	Hình học Affine & Euclide	1	6.0	6.0	0
43	3110123040	Nguyễn Thanh Hương	25/8/2005	23ST2	Hình học Affine & Euclide	1	7.5	7.5	0
44	3140122045	Lê Thái Thông	14/3/2003	22SHH	Hóa vô cơ	1	6.7	7.0	0.3
45	3140724006	Trần Khánh Bằng	10/5/2006	24SKT2	Hóa vô cơ	1	7.3	7.5	0.2
46	3220122186	Hà Thảo Nguyên	21/1/2004	22STH5	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học	2	4.0	4.0	0
47	3160125018	Nguyễn Hoàng Khánh Trang	25/6/2007	25SGC	Lịch sử Triết học phương Đông	1	7.0	7.0	0
48	3160522005	Mai Thị Ngọc Bích	21/1/2004	22SCD	Luật quốc tế	1	7.1	7.1	0
49	3160725004	Trần Vi Phương Anh	13/11/2007	25SPL	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	2	4.6	4.6	0
50	3110124016	Trương Mỹ Gái	28/2/2006	24ST2	Lý thuyết xác suất	2	3.0	3.3	0.3
51	3110124045	Hồ Thị Thanh Ngân	15/1/2006	24ST1	Lý thuyết xác suất	2	5.0	5.0	0
52	3220223070	Phan Thị Như Tuyết	20/5/2005	23STC	Mạng máy tính và internet	1	5.2	5.2	0

STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp SH	Học phần phúc khảo	Nhóm thi	Điểm thi PK	Điểm chấm PK	Điểm thay đổi
53	3180724082	Phạm Thị Minh Thư	28/5/2006	24SLD2	Môi trường và phát triển bền vững	2	7.5	8.0	0.5
54	3240423019	Nguyễn Nhật Huy	14/4/2005	23SAN	Phân tích hòa âm trong tác phẩm âm nhạc 2	1	7.0	7.5	0.5
55	3240423020	Nguyễn Thái Ân Huy	14/4/2005	23SAN	Phân tích hòa âm trong tác phẩm âm nhạc 2	1	5.5	6.5	1
56	3240423023	Phạm Hoàng Mai Khuyên	23/8/2005	23SAN	Phân tích hòa âm trong tác phẩm âm nhạc 2	1	6.0	7.5	1.5
57	3240423031	Huỳnh Thị Cẩm Ly	27/1/2005	23SAN	Phân tích hòa âm trong tác phẩm âm nhạc 2	1	5.5	5.5	0
58	3240423034	Nguyễn Thị Trà My	5/8/2005	23SAN	Phân tích hòa âm trong tác phẩm âm nhạc 2	1	7.0	7.0	0
59	3240423041	Trần Đỗ Ngọc Nhi	29/8/2005	23SAN	Phân tích hòa âm trong tác phẩm âm nhạc 2	2	5.5	5.5	0
60	3240423047	Dương Thị Hồng Phúc	12/9/2005	23SAN	Phân tích hòa âm trong tác phẩm âm nhạc 2	2	5.0	6.0	1
61	3240423055	Trần Hà Huyền Trâm	1/10/2005	23SAN	Phân tích hòa âm trong tác phẩm âm nhạc 2	2	5.5	5.5	0
62	3240423060	Trần Hà Uyên	24/5/2005	23SAN	Phân tích hòa âm trong tác phẩm âm nhạc 2	2	5.0	5.5	0.5
63	3230124123	Võ Thị Hoài Nhi	27/10/2000	24SMN1	Phát triển chương trình giáo dục mầm non	1	5.0	5.0	0
64	3230124083	Hồ Thị Cẩm Ly	3/1/2006	24SMN2	Phát triển chương trình giáo dục mầm non	4	5.5	5.5	0
65	3130123001	Lê Quốc Anh	29/10/2005	23SVL	Phát triển chương trình Vật lý phổ thông	1	7.0	7.5	0.5
66	3130123006	Nguyễn Thị Thu Hà	5/12/2005	23SVL	Phát triển chương trình Vật lý phổ thông	1	7.5	8.0	0.5
67	3130123008	Phạm Diệu Hương	20/8/2005	23SVL	Phát triển chương trình Vật lý phổ thông	1	7.0	7.0	0
68	3130123016	Phan Công Nhân	25/4/2004	23SVL	Phát triển chương trình Vật lý phổ thông	1	3.5	4.0	0.5
69	3130123022	Phan Thị Hoài Thương	25/3/2005	23SVL	Phát triển chương trình Vật lý phổ thông	1	3.0	3.0	0
70	3130123029	Phùng Thị Thùy Trang	14/2/2005	23SVL	Phát triển chương trình Vật lý phổ thông	1	7.0	7.5	0.5
71	3130123030	Trần Ngọc Vương	11/8/2005	23SVL	Phát triển chương trình Vật lý phổ thông	1	2.0	2.0	0
72	3230124022	Nguyễn Bảo Chung	10/12/2005	24SMN2	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	1	4.5	4.5	0
73	3230124042	Lê Thân Gia Hân	26/10/2006	24SMN3	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	1	5.8	5.8	0
74	3170123003	Hồ Thị Mai Anh	19/8/2005	23SNV1	Phương pháp dạy học Ngữ Văn 1	1	5.0	5.0	0
75	3170123017	Nguyễn Trà Giang	16/10/2005	23SNV1	Phương pháp dạy học Ngữ Văn 1	1	3.5	3.5	0
76	3230123131	Lê Thị Bảo Phương	12/11/2005	23SMN3	Phương pháp tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ mầm non	2	6.0	6.0	0
77	3230123158	Nguyễn Phan Ngọc Thơ	4/7/2005	23SMN2	Phương pháp tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ mầm non	4	5.5	5.5	0
78	3110124046	Nguyễn Thị Thanh Ngân	10/10/2006	24ST2	Phương trình hàm	2	7.0	7.0	0
79	3170122106	Nguyễn Tấn Trãi	2/6/2004	22SNV1	Quản lý Nhà nước về giáo dục	3	7.0	8.0	1
80	3190122051	Phan Huỳnh Khánh Thương	30/9/2004	22SDL	Quản lý Nhà nước về giáo dục	4	7.5	7.5	0

STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp SH	Học phần phúc khảo	Nhóm thi	Điểm thi PK	Điểm chấm PK	Điểm thay đổi
81	3130122010	Phạm Sĩ Anh Đức	23/1/2003	22SVL	Quản lí Nhà nước về giáo dục	5	6.3	6.3	0
82	3220122271	Đinh Thị Thùy	10/10/2004	22STH5	Quản lý nhà nước về giáo dục	1	7.5	8.0	0.5
83	3220122226	Phạm Như Quỳnh	16/1/2004	22STH3	Quản lý nhà nước về giáo dục	3	7.0	7.0	0
84	3220122090	Đặng Thị Thu Hoài	1/1/2004	22STH5	Quản lý nhà nước về giáo dục	13	7.7	7.7	0
85	3140722039	Nguyễn Trọng Khôi	1/11/1999	22SKT1	Sinh học con người	1	8.2	8.2	0
86	3140722083	Nguyễn Phú Tân	13/6/2003	22SKT1	Sinh học con người	1	7.2	7.2	0
87	3140723047	Trần Diệp Ngọc Loan	27/3/2005	23SKT1	Sinh học con người	3	7.6	7.6	0
88	3140723076	Hoàng Thị Hà Phương	21/7/2005	23SKT2	Sinh học con người	3	7.2	7.2	0
89	3140723123	Lê Thị Nhật Vinh	6/6/2005	23SKT1	Sinh học con người	3	6.6	6.6	0
90	3140723003	Trần Hoàng Lan Anh	30/5/2005	23SKT1	Sinh học con người	4	6.4	6.4	0
91	3140723010	Phạm Nguyễn Thùy Dung	21/4/2005	23SKT1	Sinh học con người	4	7.4	7.4	0
92	3140723016	Trần Thị Ngọc Hà	7/11/2005	23SKT1	Sinh học con người	4	7.0	7.0	0
93	3220124209	Ngô Thị Oanh	26/4/2006	24STH4	Sinh lí học trẻ em	1	6.8	6.8	0
94	3110125075	Trần Thị My Sa	15/4/2007	25ST2	Tâm lý học giáo dục	4	7.5	8.0	0.5
95	3150125009	Poloong Thị Héh	22/10/2007	25SS	Tâm lý học giáo dục	10	3.0	3.0	0
96	3220125029	Trần Minh Châu	22/9/2007	25STH4	Tâm lý học giáo dục	24	5.0	5.0	0
97	3220125117	Dương Quốc Lập	1/1/2007	25STH7	Tâm lý học giáo dục	26	4.0	4.0	0
98	3220125166	Zơ Râm Thị Ba Na	13/11/2007	25STH4	Tâm lý học giáo dục	27	4.5	4.5	0
99	3220125264	Nguyễn Anh Thư	9/9/2007	25STH1	Tâm lý học giáo dục	29	6.5	6.5	0
100	3200224006	Võ Trần Nguyên Anh	2/9/2006	24CTL2	Tiếng Anh chuyên ngành	2	5.8	5.8	0
101	3200224013	Nguyễn Thị Chinh	11/8/2006	24CTL2	Tiếng Anh chuyên ngành	2	4.8	4.8	0
102	3200224078	Nguyễn Thị Yến Nhi	8/6/2006	24CTL2	Tiếng Anh chuyên ngành	2	5.5	5.5	0
103	3200224079	Tán Trần Yến Nhi	17/9/2006	24CTL2	Tiếng Anh chuyên ngành	2	4.5	4.5	0
104	3180523067	Văn Thị Thùy Trang	22/10/2005	23CLS	Tổ chức quốc tế và cơ quan ngoại giao của các quốc gia	1	6.5	6.5	0
105	3230125152	Lê Hoài Phương	21/11/2007	25SMN4	Toán cơ sở	4	6.0	6.0	0
106	3230125169	Ngô Thị Hồng Tâm	1/1/2007	25SMN4	Toán cơ sở	4	8.5	8.5	0
107	3140123002	Huỳnh Phước Duy	13/5/2005	23SHH	Tổng hợp các chất vô cơ	1	8.0	8.0	0
108	3160522005	Mai Thị Ngọc Bích	21/1/2004	22SCD	Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật ở trường phổ thông	1	7.5	7.5	0
109	3170222054	Lê Thị Nhở	25/6/2003	22CVH	Văn bản hành chính và lưu trữ	1	7.2	7.2	0

STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp SH	Học phần phúc khảo	Nhóm thi	Điểm thi PK	Điểm chấm PK	Điểm thay đổi
110	3170322055	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	18/10/2004	22CVHH	Văn hóa phương Đông	1	3.0	3.0	0
111	3170122107	Huỳnh Thị Bảo Trâm	6/6/2004	22SNV1	Văn học dân gian các tộc người thiểu số	1	7.0	7.5	0.5
112	3170224012	Phan Văn Đông	17/11/2006	24CVH	Văn học Trung Quốc	2	2.5	3.0	0.5
113	3170225001	Hồ Ngân Hà	15/11/2007	25CVH	Văn học Trung Quốc - Ấn Độ	1	1.5	1.5	0
114	3170225002	Hứa Trần Bảo Hân	28/1/2007	25CVH	Văn học Trung Quốc - Ấn Độ	1	1.5	3.5	2
115	3170225010	Hoàng Khánh Linh	6/5/2007	25CVH	Văn học Trung Quốc - Ấn Độ	1	2.0	2.0	0
116	3170225021	Nguyễn Diệu Ngân	9/2/2007	25CVH	Văn học Trung Quốc - Ấn Độ	1	2.0	2.0	0
117	3170225025	Cao Thị Thảo Ngọc	9/3/2007	25CVH	Văn học Trung Quốc - Ấn Độ	1	3.0	3.0	0
118	3170225028	Lữ Thị Nhật	18/5/2006	25CVH	Văn học Trung Quốc - Ấn Độ	1	2.0	2.0	0
119	3170225042	Phạm Lê Phương Thảo	24/4/2007	25CVH	Văn học Trung Quốc - Ấn Độ	2	4.0	5.0	1
120	3170225053	Nguyễn Thị Nhật Vy	16/6/2007	25CVH	Văn học Trung Quốc - Ấn Độ	2	1.5	2.5	1
121	3170225055	Huỳnh Thị Kim An	14/2/2007	25CVH	Văn học Trung Quốc - Ấn Độ	2	1.5	2.0	0.5
122	3170225056	Phạm Thị Phương An	5/6/2007	25CVH	Văn học Trung Quốc - Ấn Độ	2	2.0	3.5	1.5
123	3170225057	Hồ Mai Anh	22/9/2007	25CVH	Văn học Trung Quốc - Ấn Độ	2	1.0	1.0	0
124	3170225062	Nguyễn Lê Linh Chi	28/1/2007	25CVH	Văn học Trung Quốc - Ấn Độ	2	3.5	3.5	0
125	3170225067	Rah Lan H' Yển	11/12/2005	25CVH	Văn học Trung Quốc - Ấn Độ	2	1.5	1.5	0
126	3170225082	PHÙNG THỊ KHÁNH NY	7/7/2007	25CVH	Văn học Trung Quốc - Ấn Độ	2	2.0	2.5	0.5
127	3220124195	Nguyễn Trần Đan Nhi	25/4/2006	24STH6	Xác suất và Thống kê trong giáo dục tiểu học	2	6.0	6.0	0
128	3110124009	Nguyễn Đức Thành Danh	5/8/2006	24ST1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	1	4.5	6.0	1.5
129	3110124024	Đỗ Phúc Hưng	11/7/2006	24ST2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	1	6.0	7.0	1
130	3110124036	Nguyễn Tấn Lộc	9/6/2006	24ST2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	1	7.0	7.5	0.5
131	3110124044	Đỗ Thị Ly Na	15/9/2004	24ST2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	1	5.0	6.0	1
132	3110124062	Đặng Quang Tấn	20/3/2006	24ST2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2.0	3.5	1.5
133	3120124032	Phan Thị Cẩm Tú	19/4/2006	24SPT	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3	3.0	3.5	0.5
134	3120224087	Phạm Thị Phương Linh	12/8/2006	24CNTT2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	5	3.5	4.3	0.8
135	3120224138	Trương Gia Thịnh	29/4/2006	24CNTT2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	6	2.5	3.3	0.8
136	3120224146	Lê Xuân Quốc Tịnh	9/7/2006	24CNTT2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	6	2.0	2.3	0.3
137	3130324022	Phạm Hòa My	8/4/2006	24CVK	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	8	2.0	2.3	0.3
138	3130324036	Nguyễn Anh Tuấn	11/6/2004	24CVK	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	8	3.5	3.5	0
139	3140324022	Lê Quốc Khánh	5/6/2006	24CHD	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	9	2.0	2.0	0

STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp SH	Học phần phúc khảo	Nhóm thi	Điểm thi PK	Điểm chấm PK	Điểm thay đổi
140	3140724011	Lê Linh Chi	30/9/2006	24SKT2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	10	6.5	7.5	1
141	3160424064	Bùi Lê Thanh Thảo	9/7/2006	24SAN2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	15	1.5	2.0	0.5
142	3170124031	Lê Thị Hạ Lan	30/9/2006	24SNV2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	17	4.5	4.5	0
143	170124058	Phạm Thị Mai Phương	10/8/2006	24SNV1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	18	4.0	4.0	0
144	3170124044	Trần Thị Trà My	18/9/2005	24SNV1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	18	4.0	4.3	0.3
145	3170124046	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	19/11/2006	24SNV2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	18	3.5	4.0	0.5
146	3170124050	Phạm Thị Uyển Nhi	25/3/2006	24SNV2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	18	6.0	6.5	0.5
147	3170124059	Trịnh Mai Phương	9/6/2006	24SNV2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	18	4.5	4.5	0
148	3170424091	Trương Phương Thảo	23/11/2006	24CBC1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	23	5.0	5.5	0.5
149	3180524032	Nguyễn Mỹ Lan	23/11/2005	24CLS	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	27	2.0	2.0	0
150	3180524072	Lộc Nguyễn Hạ Vy	1/6/2006	24CLS	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	28	4.5	4.5	0
151	3200224044	Nguyễn Phương Linh	25/10/2006	24CTL2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	32	4.5	4.5	0
152	3200324004	Trần Thị Hoàng Ánh	18/6/2006	24CTXH	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	33	5.5	6.0	0.5
153	3220124209	Ngô Thị Oanh	26/4/2006	24STH4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	38	5.5	5.5	0
154	3220224036	Nguyễn Huỳnh Trọng Luật	11/6/2006	24STC2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	42	6.5	7.0	0.5
155	3220224057	Phạm Thanh Thảo	26/7/2005	24STC1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	42	6.5	6.5	0
156	3230124083	Hồ Thị Cẩm Ly	3/1/2006	24SMN2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	45	3.0	3.0	0
157	3230124124	Đỗ Thanh Như	19/5/2006	24SMN2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	45	3.0	3.0	0
158	3110123003	Trần Tuấn Anh	19/11/2005	23ST2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	1	4.0	4.0	0
159	3110123036	Lê Trần Đức Hoàng	14/1/2005	23ST2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	1	7.0	7.0	0
160	3110123038	Tạ Nguyên Hưng	12/6/2005	23ST1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	1	7.0	7.0	0
161	3110123046	Nguyễn Văn Khôi	16/12/2005	23ST1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	1	7.0	7.0	0
162	3110123103	Phạm Minh Tuấn	22/5/2005	23ST2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	1	6.0	6.0	0
163	110123099	Mai Thùy Trinh	13/7/2005	23ST1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	7.5	7.5	0
164	3110123062	Đặng Thị Hằng Nga	21/2/2005	23ST2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	7.0	7.0	0
165	3110123065	Nguyễn Minh Ngọc	11/7/2005	23ST2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	4.5	4.5	0
166	3110123067	Lê Thị Ánh Nguyệt	19/5/2005	23ST2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	6.5	7.0	0.5
167	3110123071	Tổng Hồng Nhi	18/1/2005	23ST2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	6.5	6.5	0
168	3110123073	Huỳnh Công Phát	12/4/2005	23ST1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	6.5	6.5	0
169	3110123088	Phạm Thị Thạch Thảo	15/4/2005	23ST2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	7.0	7.5	0.5

STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp SH	Học phần phúc khảo	Nhóm thi	Điểm thi PK	Điểm chấm PK	Điểm thay đổi
170	3110123089	Lê Thị Thơ	28/9/2005	23ST2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	7.0	7.5	0.5
171	3110123090	Lê Thị Anh Thư	30/4/2005	23ST1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	7.5	7.5	0
172	3110123091	Nguyễn Đoàn Thục	10/9/2005	23ST2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	6.5	6.5	0
173	3110123094	Lê Thị Hương Trà	25/10/2005	23ST2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	7.5	7.5	0
174	3110123104	Lê Thúy Uyên	9/3/2005	23ST1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	5.0	5.0	0
175	3110123108	Nguyễn Đức Vũ	14/4/2005	23ST2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	5.0	5.0	0
176	3110123109	Ung Nguyễn Tấn Vũ	18/8/2005	23ST1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	5.0	5.0	0
177	3120223168	Chu Hồng Sáng	21/6/2005	23CNTT1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	6	5.5	5.5	0
178	3130123005	Trương Thị Cẩm Giang	2/3/2005	23SVL	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	7	7.0	7.0	0
179	3130123008	Phạm Diệu Hương	20/8/2005	23SVL	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	8	6.5	7.0	0.5
180	3130123009	Trần Thị Xuân Hương	22/5/2005	23SVL	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	8	6.5	7.0	0.5
181	3130123015	Dương Hồng Mai	10/11/2005	23SVL	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	8	6.5	6.5	0
182	3130123016	Phan Công Nhân	25/4/2004	23SVL	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	8	4.5	4.5	0
183	3130123020	Nguyễn Anh Thư	13/4/2005	23SVL	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	8	6.5	6.5	0
184	3130123024	Võ Ngọc Mai Thy	4/4/2005	23SVL	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	8	7.0	7.5	0.5
185	3140123002	Huỳnh Phước Duy	13/5/2005	23SHH	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	8	5.5	5.5	0
186	3140723003	Trần Hoàng Lan Anh	30/5/2005	23SKT1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	9	6.5	7.0	0.5
187	3140723010	Phạm Nguyễn Thùy Dung	21/4/2005	23SKT1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	9	6.0	6.0	0
188	3140723029	Phạm Mai Huyền	7/12/2005	23SKT1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	10	5.8	6.0	0.2
189	3140723034	Dương Thị Hoài Lê	18/7/2005	23SKT1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	10	7.5	7.5	0
190	3140723046	Lê Thị Thúy Loan	4/12/2005	23SKT1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	10	5.5	5.5	0
191	3140723103	Đặng Thị Bích Trâm	23/12/2004	23SKT2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	11	4.8	4.8	0
192	3140723106	Bùi Huyền Trân	19/11/2005	23SKT2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	11	3.5	3.5	0
193	3140723118	Trần Thị Phương Uyên	14/1/2005	23SKT1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	11	6.0	6.0	0
194	3140723122	Lê Thảo Vi	1/5/2005	23SKT2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	11	4.8	4.8	0
195	3150123018	Nguyễn Xuân Lộc	25/5/2005	23SS	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	12	5.0	5.0	0
196	3150123038	Phạm Thùy Trâm	7/11/2005	23SS	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	12	3.8	3.8	0
197	3150323006	Nguyễn Nguyên Phương	2/12/2005	23CTM	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	12	0.5	0.5	0
198	3170123041	Lê Nữ Khánh Huyền	1/3/2005	23SNV2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	14	2.5	2.5	0
199	3170123053	Vũ Ngọc Linh	12/10/2005	23SNV1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	15	6.5	6.5	0

STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp SH	Học phần phúc khảo	Nhóm thi	Điểm thi PK	Điểm chấm PK	Điểm thay đổi
200	3170123070	Lê Trần Bảo Ngọc	1/3/2005	23SNV2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	15	3.0	3.0	0
201	3170123126	Nguyễn Thị Thùy Vinh	28/8/2005	23SNV2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	16	3.5	3.5	0
202	3170223020	Lý Thị Ngọc Huyền	20/1/2005	23CVH	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	17	1.5	1.5	0
203	3170223033	Trần Thị Trà My	29/12/2005	23CVH	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	17	7.0	7.0	0
204	3170223060	Lê Nguyễn Thủy Tiên	13/11/2005	23CVH	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	17	3.5	3.5	0
205	3170423048	Lưu Ngọc Khuê	14/5/2005	23CBC2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	19	7.0	7.0	0
206	3170423053	Lê Trần Bảo Linh	7/10/2005	23CBC1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	19	6.5	7.0	0.5
207	3170423103	Nguyễn Thị Thảo	3/2/2005	23CBC1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	20	5.5	6.0	0.5
208	3180523007	Trần Đình Bảo	6/7/2005	23CLS	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	24	3.3	3.3	0
209	3180523026	Trần Đỗ Nam Khánh	8/9/2005	23CLS	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	24	3.5	3.5	0
210	3180523049	Nguyễn Thùy Quyên	12/10/2005	23CLS	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	24	2.3	2.3	0
211	3190123006	Nguyễn Thị Yên Bình	30/8/2005	23SDL	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	27	7.5	7.5	0
212	3120224138	Trương Gia Thịnh	29/4/2006	24CNTT2	Pháp luật đại cương	6	2.3	2.3	0
213	3170124001	Đặng Hoàng Châu Anh	19/8/2006	24SNV1	Pháp luật đại cương	15	4.7	4.7	0
214	3170124010	Nguyễn Quỳnh Chi	16/1/2006	24SNV1	Pháp luật đại cương	15	5.7	6.7	1
215	3170124076	Bùi Thị Hải Trà	3/2/2006	24SNV1	Pháp luật đại cương	16	4.0	4.5	0.5
216	3170224034	Lý Hoàng Phương Mai	15/4/2006	24CVH	Pháp luật đại cương	17	4.5	5.0	0.5
217	3180124019	Lê Thị Hoa	12/1/2005	24SLS	Pháp luật đại cương	23	3.6	3.6	0
218	3180524015	Trần Xuân Dũng	12/7/2006	24CLS	Pháp luật đại cương	26	6.1	6.1	0
219	3180524028	Nguyễn Thị Mỹ Kha	21/7/2006	24CLS	Pháp luật đại cương	26	3.0	3.0	0
220	3180524032	Nguyễn Mỹ Lan	23/11/2005	24CLS	Pháp luật đại cương	26	2.5	2.5	0
221	3180524052	Tôn Nữ Thanh Sơn	17/5/2005	24CLS	Pháp luật đại cương	26	2.3	2.3	0
222	3180524056	Lê Trương Anh Thư	25/10/2006	24CLS	Pháp luật đại cương	26	4.1	4.1	0
223	3180524057	Trần Lê Hoài Thương	12/2/2006	24CLS	Pháp luật đại cương	26	0.5	0.5	0
224	3180724006	Trịnh Lan Anh	29/4/2006	24SLD2	Pháp luật đại cương	27	7.3	7.3	0
225	3220224001	Phan Như Thành Ân	24/4/2005	24STC1	Pháp luật đại cương	41	7.0	7.0	0
226	3220224024	Lê Thị Bích Hợp	20/10/2006	24STC2	Pháp luật đại cương	42	6.0	6.0	0
227	3220224082	Nguyễn Thị Nhã Yến	11/1/2006	24STC1	Pháp luật đại cương	43	6.0	6.0	0
228	3180525033	Phạm Quỳnh Như	31/1/2007	25CLS	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	17	7.5	7.5	0
229	3180525041	Coor Thị Như Quỳnh	21/7/2007	25CLS	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	17	5.2	5.2	0

STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp SH	Học phần phúc khảo	Nhóm thi	Điểm thi PK	Điểm chấm PK	Điểm thay đổi
230	3180525057	Lã Thị Bích Vân	20/12/2007	25CLS	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	17	6.8	6.8	0
231	3200225095	Nguyễn Thị Minh Thư	13/9/2007	25CTL2	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	20	6.3	6.3	0

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG KHẢO THÍ - BĐCL
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



TS. Phan Thị Hoa